

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LUẬT
CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 9 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Luật số 19/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Luật số 08/2026/QH16 ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Quốc hội ban hành Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài¹.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là cơ quan đại diện) và quản lý nhà nước đối với cơ quan đại diện.

¹ Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12.”*

Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 19/2017/QH14.”

Điều 2. Cơ quan đại diện

1. Cơ quan đại diện thực hiện chức năng đại diện chính thức của Nhà nước Việt Nam trong quan hệ với quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế tiếp nhận và thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại phù hợp với quy định tại Điều 12 của Luật này.

2. Cơ quan đại diện bao gồm cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tại tổ chức quốc tế.

3. Cơ quan đại diện được hưởng đầy đủ quyền ưu đãi, miễn trừ phù hợp với pháp luật quốc tế.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của cơ quan đại diện

1. Thực hiện chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt Nam.

2. Chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự quản lý trực tiếp của Bộ Ngoại giao và sự giám sát của Quốc hội.

3. Hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và pháp luật của quốc gia nơi đặt trụ sở của cơ quan đại diện.

4. Tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ quan đại diện ngoại giao* là Đại sứ quán.

2. *Cơ quan đại diện lãnh sự* là Tổng Lãnh sự quán và Lãnh sự quán.

3. Cơ quan đại diện tại tổ chức quốc tế là Phái đoàn thường trực, Phái đoàn, Phái đoàn quan sát viên thường trực và cơ quan có tên gọi khác thực hiện chức năng đại diện của Nhà nước Việt Nam tại tổ chức quốc tế liên chính phủ.

4. Khu vực lãnh sự là bộ phận lãnh thổ của quốc gia tiếp nhận được nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận thỏa thuận để cơ quan đại diện lãnh sự thực hiện chức năng lãnh sự.

5. Thành viên cơ quan đại diện bao gồm người đứng đầu cơ quan đại diện, viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự và nhân viên cơ quan đại diện.

6. Viên chức ngoại giao là người đảm nhiệm chức vụ ngoại giao.

7. Viên chức lãnh sự là người đảm nhiệm chức vụ lãnh sự.

8.² (*được bãi bỏ*)

9. Nhân viên cơ quan đại diện là người đảm nhận công việc hành chính, kỹ thuật hoặc phục vụ.

² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN

Điều 5. Thúc đẩy quan hệ chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh

1. Tổng hợp, đánh giá và cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền về tình hình chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

2. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về biện pháp cần thiết để thúc đẩy sự phát triển quan hệ chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

3. Thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ giữa cơ quan đại diện với cơ quan, tổ chức và cá nhân tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện chính sách đối ngoại trong quan hệ với quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

Điều 6. Phục vụ phát triển đất nước³

1. Nghiên cứu chiến lược, chính sách, pháp luật, xu hướng phát triển kinh tế, các lĩnh vực hợp tác mới phục vụ hội nhập quốc tế, thương mại, công nghiệp, nông nghiệp, đầu tư, viện trợ phát triển, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghệ chiến lược, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục, đào tạo, du lịch, hợp tác sử dụng nguồn nhân lực, xây dựng và thi hành pháp luật và các vấn đề liên quan khác của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; báo cáo cơ quan có thẩm quyền về chủ trương, quyết sách có ý nghĩa chiến lược của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận có tác động đến sự phát triển của Việt Nam.

2. Cung cấp thông tin, giới thiệu tình hình, khả năng và nhu cầu hợp tác giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp của quốc gia tiếp nhận; hỗ trợ xác minh thông tin liên quan đến hoạt động kinh tế và tư cách pháp nhân của doanh nghiệp tại quốc gia tiếp nhận khi có yêu cầu; hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam phát triển và hoạt động tại quốc gia tiếp nhận; chủ động dự báo về chính sách kinh tế, thương mại và biện pháp mà phía nước ngoài có thể áp dụng đối với Nhà nước, doanh nghiệp Việt Nam.

3. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về chính sách, biện pháp thích hợp và tổ chức thực hiện nhằm phát triển quan hệ kinh tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận và thúc đẩy giao lưu nhân dân.

4. Tham gia xúc tiến, thúc đẩy hợp tác về các lĩnh vực: thương mại, đầu tư, công nghiệp văn hóa, hợp tác kinh tế mới phục vụ hội nhập quốc tế; thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài; vận động tranh thủ viện trợ và quảng bá về du lịch Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; hợp tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục,

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

đào tạo, y tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận; vận động các quốc gia và tổ chức quốc tế ghi danh, công nhận di sản văn hóa; phát triển thị trường lao động ngoài nước; theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện cam kết quốc tế; chuyên giao công nghệ, thu hút chuyên gia, nhà khoa học làm việc, đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

Điều 7. Thúc đẩy quan hệ văn hóa

1. Tổng hợp, đánh giá và cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền về kinh nghiệm xây dựng và phát triển văn hóa của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

2. Kiến nghị biện pháp thúc đẩy hợp tác văn hóa giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

3. Tuyên truyền, quảng bá về lịch sử, văn hóa, hình ảnh đất nước, con người Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

4. Giới thiệu với cơ quan, tổ chức và nhân dân Việt Nam về lịch sử, văn hóa, hình ảnh đất nước, con người của quốc gia tiếp nhận và hoạt động liên quan đến văn hóa của tổ chức quốc tế tiếp nhận.

5. Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi đoàn và hoạt động giao lưu văn hóa giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

6. Tổ chức hoặc tham gia tổ chức hoạt động, sự kiện văn hóa Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

Điều 8. Thực hiện nhiệm vụ lãnh sự và bảo hộ công dân⁴

1.⁵ Bảo hộ lãnh sự đối với lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, pháp nhân, doanh nghiệp Việt Nam và thực hiện các nhiệm vụ lãnh sự được quy định tại Điều này trên cơ sở tuân thủ pháp luật Việt Nam, pháp luật của quốc gia tiếp nhận và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận là thành viên, phù hợp với pháp luật, thông lệ quốc tế. Chủ động, kịp thời thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền các biện pháp phù hợp để bảo hộ công dân ở nước ngoài trong các vụ việc khẩn cấp, quy mô lớn.

2. Thực hiện việc thăm lãnh sự và liên hệ, tiếp xúc với công dân Việt Nam trong trường hợp họ bị bắt, tạm giữ, tạm giam, xét xử hoặc đang chấp hành hình phạt tù tại quốc gia tiếp nhận.

3. Trong trường hợp công dân, pháp nhân Việt Nam không thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo pháp luật và thực tiễn của quốc gia tiếp nhận,

⁴ Tên Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

cơ quan đại diện có thể tạm thời đại diện hoặc thu xếp người đại diện cho họ tại tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của quốc gia tiếp nhận cho đến khi có người khác làm đại diện cho họ hoặc họ tự bảo vệ được quyền và lợi ích của mình.

4.⁷ Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hộ chiếu và giấy tờ khác có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5.⁹ Cấp, hủy bỏ thị thực; cấp, thu hồi, hủy bỏ giấy miễn thị thực của Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Thực hiện nhiệm vụ liên quan đến hộ tịch, con nuôi phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và không trái với pháp luật của quốc gia tiếp nhận hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận là thành viên.

7.¹⁰ Thực hiện nhiệm vụ công chứng, chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận là thành viên; tiếp nhận, bảo quản giấy tờ, tài liệu và đồ vật có giá trị của công dân, pháp nhân Việt Nam khi có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và không trái với pháp luật của quốc gia tiếp nhận.

8.¹¹ Hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu của nước ngoài và chứng nhận lãnh sự giấy tờ, tài liệu của Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Phối hợp với cơ quan hoặc người có thẩm quyền của quốc gia tiếp nhận hoàn thành thủ tục giúp công dân, pháp nhân Việt Nam giải quyết những vấn đề liên quan đến thừa kế tài sản hoặc nhận lại tài sản thừa kế được mở có lợi cho Nhà nước Việt Nam.

10.¹² *(được bãi bỏ)*

11. Thực hiện nhiệm vụ liên quan đến quốc tịch phù hợp với quy định của pháp luật.

⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

¹² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

12. Thực hiện việc đăng ký công dân đối với người có quốc tịch Việt Nam cư trú tại quốc gia tiếp nhận phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật và thông lệ quốc tế.

13.¹³ Thực hiện một số nhiệm vụ về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự, tương trợ tư pháp về dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

14. Giúp đỡ tàu biển Việt Nam, tàu bay mang quốc tịch Việt Nam và phương tiện giao thông vận tải khác đăng ký tại Việt Nam để bảo đảm tàu biển, tàu bay và phương tiện giao thông vận tải đó được hưởng đầy đủ quyền và lợi ích tại quốc gia tiếp nhận theo quy định của pháp luật của quốc gia tiếp nhận, phù hợp với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận là thành viên, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

15.¹⁵ Phối hợp thực hiện nhiệm vụ liên quan đến phòng dịch, kiểm dịch động vật, thực vật phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của quốc gia tiếp nhận, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận là thành viên, phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

16. Thực hiện nhiệm vụ lãnh sự khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và không trái với pháp luật của quốc gia tiếp nhận hoặc theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận là thành viên.

Điều 9. Hỗ trợ và bảo vệ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài

1. Tuyên truyền, giới thiệu chính sách và pháp luật Việt Nam liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình cộng đồng và công tác vận động, hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

3.¹⁶ Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về chính sách, biện pháp duy trì sự gắn bó của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với quê hương, đất nước; khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn bản sắc dân tộc, thúc đẩy bảo tồn và lan tỏa tiếng Việt, chữ viết tiếng Việt, tham gia hoạt động trên các lĩnh vực đời sống xã hội của đất nước.

¹³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

¹⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

4. Tạo điều kiện và hỗ trợ cho người Việt Nam ở nước ngoài ổn định cuộc sống, hội nhập với xã hội tại quốc gia tiếp nhận; kiến nghị biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người Việt Nam, ngăn ngừa hành động phân biệt đối xử đối với cộng đồng người Việt Nam ở quốc gia tiếp nhận.

5. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hoạt động văn hóa phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

6. Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền hình thức khen thưởng thích hợp đối với tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích xuất sắc trong hoạt động xây dựng cộng đồng và đóng góp xây dựng đất nước.

Điều 10. Thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại

1.¹⁷ Chỉ đạo, hướng dẫn theo thẩm quyền việc thực hiện thống nhất chính sách đối ngoại đối với đại diện của cơ quan, địa phương và tổ chức Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận và đoàn được cơ quan, tổ chức Việt Nam cử đi công tác tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

1a.¹⁸ Thống nhất quản lý hoạt động thông tin đối ngoại và chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan đề xuất, triển khai hoạt động thông tin đối ngoại tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

2. Chủ trì, phối hợp tổ chức và trực tiếp tham gia hoạt động đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

3. Thực hiện biện pháp thích hợp và báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về hoạt động của đại diện cơ quan, tổ chức hoặc của đoàn Việt Nam được cử đi công tác tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận không phù hợp với chính sách đối ngoại, làm ảnh hưởng đến quan hệ giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

4. Tổng kết, đánh giá hoạt động đối ngoại tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; kiến nghị biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt Nam được thực hiện thống nhất ở nước ngoài.

Điều 11. Quản lý cán bộ và cơ sở vật chất của cơ quan đại diện

1. Quản lý về tổ chức, cán bộ; công tác văn thư, lưu trữ và bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Quản lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả tài sản, cơ sở vật chất được giao và kinh phí được cấp.

¹⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

¹⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

3. Thực hiện biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ an ninh, an toàn đối với thành viên và trụ sở cơ quan đại diện.

4.¹⁹ Tham gia, triển khai chuyển đổi số trong hoạt động và giao dịch của cơ quan đại diện, phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp quốc tế, pháp luật và điều kiện của quốc gia tiếp nhận.

Điều 12. Phân công thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan đại diện

1. Cơ quan đại diện thực hiện chức năng, nhiệm vụ cụ thể theo quyết định thành lập của Chính phủ, phù hợp với thỏa thuận giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận, phù hợp với pháp luật quốc tế.

2. Cơ quan đại diện ngoại giao là cơ quan đại diện cao nhất của Nhà nước Việt Nam tại quốc gia tiếp nhận.

Cơ quan đại diện ngoại giao có thể thực hiện chức năng đại diện tại một hay nhiều quốc gia hoặc tổ chức quốc tế và có thể thực hiện chức năng, nhiệm vụ ngoại giao, lãnh sự do quốc gia khác ủy nhiệm.

Cơ quan đại diện ngoại giao có trách nhiệm thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại quốc gia tiếp nhận và có quyền kiểm tra hoạt động đối ngoại của cơ quan đại diện lãnh sự tại quốc gia tiếp nhận.

3. Cơ quan đại diện lãnh sự thực hiện chức năng, nhiệm vụ lãnh sự tại khu vực lãnh sự và có thể thực hiện chức năng, nhiệm vụ này ngoài khu vực lãnh sự theo thỏa thuận giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận.

Cơ quan đại diện lãnh sự có thể thực hiện chức năng, nhiệm vụ lãnh sự tại một hay nhiều quốc gia hoặc chức năng, nhiệm vụ lãnh sự do quốc gia khác ủy nhiệm tại quốc gia tiếp nhận và chức năng, nhiệm vụ ngoại giao tại quốc gia tiếp nhận theo thỏa thuận giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia tiếp nhận.

Cơ quan đại diện lãnh sự có trách nhiệm thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại quốc gia tiếp nhận trong trường hợp không có cơ quan đại diện ngoại giao tại quốc gia đó.

4. Cơ quan đại diện tại tổ chức quốc tế có thể thực hiện chức năng, nhiệm vụ đại diện tại một hay nhiều tổ chức quốc tế và có thể thực hiện một số nhiệm vụ lãnh sự tại quốc gia nơi đặt trụ sở của tổ chức quốc tế theo thỏa thuận giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia đó.

¹⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Chương III
TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ, KINH PHÍ VÀ TRỤ SỞ
CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN

Điều 13. Thành lập, tạm đình chỉ, chấm dứt hoạt động

1. Cơ quan đại diện được Chính phủ thành lập và do Bộ Ngoại giao trực tiếp quản lý.

2. Căn cứ yêu cầu hoạt động và quan hệ đối ngoại, trên cơ sở thỏa thuận với quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận và sau khi trao đổi ý kiến với các cơ quan hữu quan, Bộ Ngoại giao trình Chính phủ quyết định việc thành lập, tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động của cơ quan đại diện.

3. Sau khi Chính phủ quyết định, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức thực hiện và hoàn thành thủ tục đối ngoại cần thiết.

Điều 14. Tổ chức bộ máy và biên chế

1.²⁰ Căn cứ tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan đại diện, Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, các cơ quan hữu quan xây dựng đề án tổng thể về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của cơ quan đại diện. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án.

2. Biên chế của cơ quan đại diện bao gồm cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Ngoại giao và căn cứ vào yêu cầu công tác, có cán bộ, công chức, viên chức của một số cơ quan hữu quan làm việc theo chế độ biệt phái phù hợp với quy định của pháp luật (sau đây gọi là cán bộ biệt phái).

3.²¹ Trên cơ sở đề án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ yêu cầu hoạt động và quan hệ đối ngoại, sau khi trao đổi thống nhất với các cơ quan hữu quan, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định cụ thể về cơ cấu tổ chức và nhân sự của từng lĩnh vực thuộc cơ quan đại diện để phụ trách các lĩnh vực sau đây:

- a) Chính trị, đối ngoại;
- b) Quốc phòng, an ninh;
- c) Kinh tế, thương mại, công nghiệp, tài chính, đầu tư, du lịch, lao động, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công nghiệp công nghệ số, nông nghiệp, môi trường, pháp luật;
- d) Văn hóa, thông tin, báo chí, giáo dục, đào tạo, y tế;
- đ) Lãnh sự, công tác cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài;

²⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

²¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

- e) Hành chính, lễ tân, quản trị;
- g) Các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

4.²² Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định điều chuyển biên chế thuộc phạm vi quản lý giữa các cơ quan đại diện; quyết định điều chuyển biên chế là cán bộ biệt phái giữa các cơ quan đại diện trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ biệt phái và ý kiến thống nhất của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Việc điều chuyển biên chế giữa các cơ quan đại diện được thực hiện căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, địa bàn công tác và bảo đảm nguyên tắc không vượt quá tổng chỉ tiêu biên chế được giao cho các cơ quan đại diện.

Điều 15. Kinh phí

1.²³ Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước và nội dung công tác kế toán được thực hiện bằng đồng đô-la Mỹ và đồng tiền sở tại quy đổi ra Đồng Việt Nam. Nhà nước bảo đảm kinh phí cần thiết bằng đồng đô-la Mỹ để cơ quan đại diện thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2. Kinh phí của cơ quan đại diện được cấp từ ngân sách nhà nước và được phân bổ như sau:

a)²⁴ Kinh phí chi đầu tư phát triển được cấp cho Bộ Ngoại giao để phân bổ cho cơ quan đại diện, trừ dự án đầu tư xây dựng của các cơ quan trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh và thương mại;

b)²⁵ Kinh phí hoạt động thường xuyên được cấp cho Bộ Ngoại giao để phân bổ cho cơ quan đại diện, trừ kinh phí dành cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh và thương mại theo quy định của Chính phủ;

c) Kinh phí dành cho hoạt động chuyên môn đặc thù được cấp cho cơ quan hữu quan phụ trách hoạt động đó để phân bổ thực hiện. Chính phủ quy định chi tiết điểm này.

3.²⁶ Việc lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí của cơ quan đại diện được thực hiện theo quy định của pháp luật. Chính phủ quy định chi tiết trình tự,

²² Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

²³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

²⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

²⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

²⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

thủ tục mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê, mua sắm hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và nhiệm vụ cần thiết khác tại cơ quan đại diện sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách nhà nước.

Điều 16. Trụ sở, cơ sở vật chất

1. Cơ quan đại diện có trụ sở tại quốc gia tiếp nhận hoặc tại quốc gia nơi đặt trụ sở của tổ chức quốc tế tiếp nhận. Trụ sở cơ quan đại diện phải treo quốc kỳ, quốc huy của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và có biển đề tên cơ quan đại diện.

2. Nhà nước bảo đảm các điều kiện về trụ sở, cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cần thiết để cơ quan đại diện và thành viên cơ quan đại diện thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Cơ quan đại diện được trang bị và sử dụng hệ thống thông tin liên lạc riêng để duy trì liên lạc thường xuyên và bảo mật với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

3.²⁷ Việc quản lý dự án đầu tư xây dựng của cơ quan đại diện được thực hiện như sau:

a) Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công cho dự án đầu tư xây dựng của cơ quan đại diện phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công. Trong trường hợp cần thiết, việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và dự án đầu tư có thể được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn;

b) Việc triển khai dự án đầu tư xây dựng của cơ quan đại diện được áp dụng theo điều ước quốc tế, thỏa thuận giữa Việt Nam với quốc gia tiếp nhận, pháp luật của quốc gia tiếp nhận, pháp luật Việt Nam;

c) Nguồn kinh phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

Chương IV

THÀNH VIÊN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN

Điều 17. Tiêu chuẩn thành viên cơ quan đại diện²⁸

1. Thành viên cơ quan đại diện đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp là nhân viên hợp đồng quy định tại Điều 29 của Luật này;

b) Có đủ tiêu chuẩn, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu công tác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trên cơ sở đề án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

²⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

²⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Đại sứ đặc mệnh toàn quyền đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn sau đây:

a) Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc;

b) Có trình độ đại học trở lên; có trình độ lý luận chính trị cử nhân hoặc cao cấp; đã được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ đối ngoại; sử dụng thông thạo ít nhất một ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu công tác;

c)²⁹Nắm vững và có năng lực tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại của Nhà nước; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo; có năng lực tổ chức, điều hành, tập hợp, đoàn kết nội bộ và phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; có kinh nghiệm quản lý, công tác trong lĩnh vực đối ngoại; có năng lực tổ chức thực hiện chuyên đổi số; đã có thời gian giữ chức vụ phó vụ trưởng hoặc tương đương trở lên hoặc đã được phong hàm ngoại giao từ Tham tán trở lên hoặc là chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế được công nhận theo quy định của Chính phủ;

d) Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao; trong độ tuổi đủ để hoàn thành ít nhất một nhiệm kỳ công tác, trừ trường hợp đặc biệt, căn cứ yêu cầu đối ngoại, địa bàn công tác, năng lực, uy tín cá nhân, do Chính phủ quy định.

Điều 18. Chức vụ ngoại giao, chức vụ lãnh sự và chức vụ ngoại giao đặc thù tại cơ quan đại diện³⁰

1. Chức vụ ngoại giao bao gồm:

a) Đại sứ đặc mệnh toàn quyền;

b) Đại sứ;

c) Công sứ;

d) Tham tán Công sứ;

đ) Tham tán;

e) Bí thư thứ nhất;

g) Bí thư thứ hai;

h) Bí thư thứ ba;

i) Tùy viên.

²⁹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

³⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Chức vụ lãnh sự bao gồm:

- a) Tổng Lãnh sự;
- b) Phó Tổng Lãnh sự;
- c) Lãnh sự;
- d) Phó Lãnh sự;
- đ) Tùy viên lãnh sự.

3. Chức vụ ngoại giao đặc thù bao gồm:

- a) Đại biện;
- b) Tùy viên Quốc phòng;
- c) Phó Tùy viên Quốc phòng;
- d) Trợ lý Tùy viên Quốc phòng;

đ) Chức vụ ngoại giao đặc thù khác theo lĩnh vực chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan cử cán bộ, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

Điều 19. Người đứng đầu cơ quan đại diện

1. Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền hoặc Đại biện trong trường hợp chưa cử Đại sứ đặc mệnh toàn quyền.

2. Người đứng đầu Tổng Lãnh sự quán là Tổng Lãnh sự. Người đứng đầu Lãnh sự quán là Lãnh sự.

3.³¹Người đứng đầu cơ quan đại diện tại Liên hợp quốc là Đại diện thường trực và có chức vụ ngoại giao Đại sứ đặc mệnh toàn quyền. Người đứng đầu cơ quan đại diện tại tổ chức quốc tế khác là Đại diện thường trực, Quan sát viên thường trực hoặc Đại diện của Chủ tịch nước tại tổ chức quốc tế và có chức vụ ngoại giao Đại sứ hoặc Đại sứ đặc mệnh toàn quyền.

Điều 20. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cử, triệu hồi người đứng đầu cơ quan đại diện³²

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu cơ quan đại diện là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền.

³¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

³² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Căn cứ nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyết định cử, triệu hồi người đứng đầu cơ quan đại diện là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền.

3. Chủ tịch nước quyết định cử, triệu hồi người đứng đầu cơ quan đại diện là Đại diện của Chủ tịch nước tại tổ chức quốc tế theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quyết định bổ nhiệm, triệu hồi người đứng đầu cơ quan đại diện, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Người đứng đầu cơ quan đại diện tại một quốc gia, tổ chức quốc tế có thể được cử hoặc bổ nhiệm kiêm nhiệm làm người đứng đầu cơ quan đại diện tại quốc gia, tổ chức quốc tế khác.

Điều 21. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan đại diện

1. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ đó; chỉ đạo xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan đại diện.

2. Phân công, bố trí công việc của thành viên cơ quan đại diện phù hợp với quyết định bổ nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và yêu cầu công tác của cơ quan đại diện; phối hợp với cơ quan hữu quan chỉ đạo công tác đối với cán bộ biệt phái; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với thành viên cơ quan đại diện; quản lý kỷ luật lao động và đánh giá thành viên cơ quan đại diện; khen thưởng, kỷ luật theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2a.³³ Quyết định việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác giữa cơ quan đại diện với đối tác nước ngoài trong phạm vi thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện. Việc ký kết và tổ chức thực hiện văn bản hợp tác được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

3. Tham gia tổ chức hoạt động của đoàn cấp cao Việt Nam sang thăm và làm việc tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

3a.³⁴ Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiến nghị thực hiện biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm an ninh, an toàn đối với thành viên và trụ sở cơ quan đại diện.

4. Chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm kinh phí và cơ sở vật chất của cơ quan đại diện theo quy định của pháp luật.

³³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

³⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

4a.³⁵ Chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện và trong công tác quản lý, vận hành cơ quan đại diện theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức sơ kết, tổng kết và trực tiếp báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về hoạt động của cơ quan đại diện; kiến nghị Bộ trưởng Bộ Ngoại giao biện pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy, biên chế và chế độ, chính sách đối với cơ quan đại diện.

6. Trong trường hợp khẩn cấp, có quyền quyết định biện pháp cần thiết để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của thành viên cơ quan đại diện và gia đình, tài liệu và tài sản của cơ quan đại diện, đồng thời báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

7. Trong trường hợp đặc biệt, quyết định đưa về nước thành viên cơ quan đại diện không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có hành vi gây hậu quả nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, quan hệ với quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận, đồng thời báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

8. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Người tạm thời đứng đầu cơ quan đại diện

1. Trong trường hợp người đứng đầu cơ quan đại diện tạm thời vắng mặt hoặc vì lý do khác không thực hiện được nhiệm vụ của mình, người đứng đầu cơ quan đại diện chỉ định một thành viên cơ quan đại diện của Bộ Ngoại giao có chức vụ kế tiếp tạm thời đứng đầu cơ quan đại diện và báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

2. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao có thể chỉ định một người khác tạm thời đứng đầu cơ quan đại diện.

3. Trong từng trường hợp cụ thể, người đứng đầu cơ quan đại diện hoặc Bộ trưởng Bộ Ngoại giao giới thiệu với quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận người được chỉ định tạm thời đứng đầu cơ quan đại diện.

Điều 23. Bỏ nhiệm, triệu hồi thành viên khác của cơ quan đại diện

1. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao bỏ nhiệm, triệu hồi thành viên khác của cơ quan đại diện.

2. Thủ tục bỏ nhiệm, triệu hồi thành viên khác của cơ quan đại diện do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của thành viên cơ quan đại diện

1. Tuân thủ pháp luật Việt Nam, thực hiện các quy định của Bộ Ngoại giao và của cơ quan đại diện; bảo vệ và đề cao hình ảnh, uy tín, danh dự và lợi ích của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

³⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Tôn trọng pháp luật và phong tục tập quán của quốc gia tiếp nhận; tích cực góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị hợp tác giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

3. Chấp hành sự chỉ đạo và điều hành của người đứng đầu cơ quan đại diện; báo cáo và chịu trách nhiệm trước người đứng đầu cơ quan đại diện về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Không được lạm dụng quyền ưu đãi, miễn trừ vì lợi ích cá nhân, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cơ quan đại diện. Trong thời gian công tác tại cơ quan đại diện, không được tiến hành hoạt động nghề nghiệp nhằm mục đích thu lợi riêng.

Điều 25. Trách nhiệm của thành viên gia đình

1. Thực hiện quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 24 của Luật này.

2. Không được lạm dụng quyền ưu đãi, miễn trừ vì lợi ích cá nhân, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cơ quan đại diện.

Điều 26. Chế độ dành cho thành viên cơ quan đại diện, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan đại diện³⁶

1. Thành viên cơ quan đại diện, vợ hoặc chồng được cử đi công tác nhiệm kỳ cùng với thành viên cơ quan đại diện trong thời gian công tác tại cơ quan đại diện được hưởng:

a) Chế độ lương, phụ cấp, trợ cấp; chế độ nhà ở; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chế độ nghỉ hàng năm theo quy định của pháp luật;

b) Trợ cấp trong trường hợp bị thương hoặc chết;

c)³⁷ Trợ cấp và chế độ ưu đãi trong trường hợp công tác tại khu vực đang xảy ra xung đột vũ trang, thảm họa do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trong điều kiện công tác đặc biệt khó khăn. Trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trường hợp xung đột vũ trang gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện;

d)³⁸ Bảo đảm chi phí đi lại trong trường hợp cha, mẹ hoặc cha, mẹ của vợ (chồng) hoặc vợ, chồng, con của thành viên cơ quan đại diện chết.

³⁶ Tên Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

³⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

³⁸ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

1a.³⁹ Ngoài các chế độ quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên cơ quan đại diện được hưởng phụ cấp địa bàn kiêm nhiệm (nếu có).

2. Nữ thành viên cơ quan đại diện hoặc vợ của thành viên cơ quan đại diện được cử đi công tác nhiệm kỳ cùng với thành viên cơ quan đại diện, khi sinh con được hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật. Thời gian nghỉ sinh con của nữ thành viên cơ quan đại diện được tính vào nhiệm kỳ công tác.

3.⁴⁰ Con chưa thành niên đi theo thành viên cơ quan đại diện được bảo đảm chi phí mua bảo hiểm khám bệnh, chữa bệnh, chế độ vé máy bay tương tự như đối với vợ hoặc chồng thành viên cơ quan đại diện, trợ cấp chi phí đi lại, chi phí điều trị tại nước thứ ba trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm hoặc trường hợp xung đột vũ trang gây nguy hiểm trực tiếp tới cơ quan đại diện. Con đi theo thành viên cơ quan đại diện được hỗ trợ học phí hằng tháng tối đa bằng mức sinh hoạt phí cơ sở cho đến hết bậc trung học phổ thông tại quốc gia tiếp nhận.

4.⁴² Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 27. Nhiệm kỳ công tác

1. Nhiệm kỳ công tác của thành viên cơ quan đại diện là 36 tháng và có thể được kéo dài trong trường hợp cần thiết theo quy định tại khoản 7 Điều 32 của Luật này.

2. Trong thời hạn 3 tháng kể từ khi kết thúc nhiệm kỳ công tác về nước, thành viên cơ quan đại diện, vợ hoặc chồng được cử đi công tác nhiệm kỳ cùng với thành viên cơ quan đại diện là cán bộ, công chức, viên chức chưa đến tuổi nghỉ hưu được tiếp nhận và bố trí làm việc trở lại tại cơ quan, tổ chức trước khi đi công tác nhiệm kỳ.

Điều 28.⁴³ (được bãi bỏ)

Điều 29. Nhân viên hợp đồng

1. Cơ quan đại diện có thể tuyển dụng người cư trú tại quốc gia nơi cơ quan đại diện có trụ sở làm nhân viên hợp đồng.

2. Quyền và nghĩa vụ của nhân viên hợp đồng được quy định tại hợp đồng tuyển dụng.

³⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁴⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 11 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁴² Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

⁴³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Chương V**CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VÀ PHỐI HỢP CÔNG TÁC
ĐỐI VỚI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN****Điều 30. Chỉ đạo và quản lý cơ quan đại diện**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cơ quan đại diện.
2. Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo hoạt động của cơ quan đại diện.
3. Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về cơ quan đại diện; trực tiếp quản lý, chỉ đạo và điều hành về tổ chức và hoạt động của cơ quan đại diện.

Điều 31. Giám sát cơ quan đại diện

Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của cơ quan đại diện theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao⁴⁴

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về cơ quan đại diện.
2. Chủ trì nghiên cứu, đề xuất trình Chính phủ chủ trương đàm phán, ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế về cơ quan đại diện.
3. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án về tổ chức bộ máy và chỉ tiêu biên chế của cơ quan đại diện.
4. Thống nhất chỉ đạo, kiểm tra⁴⁵ việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện và thành viên cơ quan đại diện theo quy định của pháp luật.
5. Tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về cơ quan đại diện.
- 6.⁴⁶ Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước cử và triệu hồi Đại diện của Chủ tịch nước tại tổ chức quốc tế.

⁴⁴ Tên Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁴⁵ Từ “, thanh tra” được bỏ theo quy định tại điểm e khoản 12 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁴⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Quyết định kéo dài nhiệm kỳ của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền căn cứ bối cảnh, tình hình, yêu cầu nhiệm vụ đối ngoại tại địa bàn và báo cáo Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ. Thời hạn kéo dài nhiệm kỳ tối đa không quá 36 tháng.

6a.⁴⁸ Chỉ đạo người đứng đầu cơ quan đại diện về nước trên cơ sở yêu cầu công tác đối ngoại hoặc quản lý; trường hợp cần thiết, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc triệu hồi, miễn nhiệm người đứng đầu cơ quan đại diện theo quy định.

7.⁴⁹ Bổ nhiệm, kéo dài nhiệm kỳ, triệu hồi thành viên của cơ quan đại diện, trừ trường hợp được quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Tổ chức và chỉ đạo việc phối hợp hoạt động giữa cơ quan đại diện với cơ quan, tổ chức có liên quan ở trong nước và nước ngoài.

8a.⁵⁰ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và trên cơ sở thỏa thuận với quốc gia tiếp nhận, quyết định việc xác lập, điều chỉnh khu vực lãnh sự của cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài. Ban hành quy định về nguyên tắc giải quyết công tác lãnh sự, việc ký giấy tờ lãnh sự tại cơ quan đại diện phù hợp với đặc thù về tổ chức và hoạt động của cơ quan đại diện.

8b.⁵¹ Quy định việc thành lập, tạm đình chỉ, chấm dứt hoạt động, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đại diện lãnh sự do Lãnh sự danh dự đứng đầu, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, hoạt động của Lãnh sự danh dự.

9. Chỉ đạo việc quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật và kinh phí của cơ quan đại diện.

10. Khen thưởng, kỷ luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Phối hợp công tác giữa cơ quan, tổ chức Việt Nam và cơ quan đại diện

1. Cơ quan, tổ chức Việt Nam có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin cần thiết phục vụ cho hoạt động đối ngoại của cơ quan đại diện;

⁴⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 12 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁴⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 12 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁵⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 12 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁵¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 12 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

b)⁵² Thông báo cho cơ quan đại diện dự kiến chương trình, kế hoạch hoạt động đối ngoại tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận trước ngày hoạt động đối ngoại diễn ra ít nhất 07 ngày làm việc; trường hợp đề nghị cơ quan đại diện hỗ trợ cần gửi đề nghị trước ngày hoạt động đối ngoại diễn ra ít nhất 30 ngày; trường hợp khẩn cấp hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền phải thông báo cho cơ quan đại diện ngay khi phát sinh và nêu rõ lý do;

c) Phối hợp với cơ quan đại diện tổ chức thực hiện hoạt động đối ngoại của cơ quan, tổ chức Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận;

d) Phối hợp với cơ quan đại diện chỉ đạo hoạt động đối ngoại của đại diện cơ quan, tổ chức Việt Nam tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

2. Trong trường hợp cơ quan đại diện cần xử lý công việc thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành, nếu ý kiến của cơ quan đại diện khác với ý kiến của cơ quan, tổ chức hữu quan thì người đứng đầu cơ quan đại diện có quyền quyết định, đồng thời báo cáo ngay với Bộ Ngoại giao và thông báo cho cơ quan, tổ chức hữu quan.

Điều 34. Phối hợp công tác giữa đoàn được cử đi công tác nước ngoài và cơ quan đại diện⁵³

1. Đoàn được cử đi công tác nước ngoài thông báo kịp thời cho cơ quan đại diện về nội dung, chương trình hoạt động tại quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận để phối hợp công tác và thông báo kết quả hoạt động cho cơ quan đại diện hoặc Bộ Ngoại giao sau khi kết thúc đợt công tác.

2. Cơ quan đại diện tổng hợp và định kỳ hằng năm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về hoạt động của các đoàn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 35. Phối hợp công tác giữa cơ quan có cán bộ biệt phái và cơ quan đại diện

1. Cơ quan có cán bộ biệt phái phối hợp với cơ quan đại diện trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của cơ quan đại diện đối với lĩnh vực chuyên môn do cơ quan phụ trách và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ biệt phái thông qua người đứng đầu cơ quan đại diện, trừ trường hợp đặc biệt.

2. Cơ quan đại diện phối hợp với cơ quan có cán bộ biệt phái chỉ đạo, quản lý công tác của cán bộ biệt phái và đánh giá về việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ biệt phái.

⁵² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁵³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

3.⁵⁴ Các bộ phận cán bộ biệt phái trực thuộc cơ quan đại diện báo cáo người đứng đầu cơ quan đại diện định kỳ hoặc theo yêu cầu của người đứng đầu cơ quan đại diện về kết quả hoạt động đối ngoại và các nhiệm vụ cụ thể do cơ quan đại diện giao.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁵⁵

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 9 năm 2009.
2. Pháp lệnh Lãnh sự ngày 13 tháng 11 năm 1990 và Pháp lệnh về Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài ngày 15 tháng 12 năm 1993 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

Số: 108/VBHN-VPQH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2026

CHỦ NHIỆM

Lê Quang Mạnh

⁵⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

⁵⁵ Điều 2 của Luật số 19/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 quy định như sau:

“Điều 2. Điều khoản thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.”.

Khoản 1 Điều 2 của Luật số 08/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.”.